

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-PT
Ngày: 21-01-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Giao, bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 334/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 268/2023/DS-ST, ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 334/2024/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Phương H, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hùng Duy K, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Số nhà F, tổ C, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

- Bà Trần Thị D, sinh năm: 1987; (SĐT: 0585.771.940);

- Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1988.

Cùng nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của bà D: ông Lý Hồng P, sinh năm 1965; cư trú: số A, Tôn Đức T, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 27/11/2024)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số nhà B, ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

- Ông Mai Hồng P1, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Tổ F, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: bà Trần Thị Diễm L1 bị đơn (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Phan Thị Phương H trình bày: Ngày 17/12/2013, bà có cho ông L, bà D vay số tiền 1.180.000.000đ (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), với lãi suất 3%/tháng, để cho vợ chồng ông L, bà D có vốn làm ăn và mua bán đất. Do là chỗ quen biết nên giữa bà và ông L, bà D chỉ thỏa thuận miệng, không lập biên nhận, không ấn định thời hạn vay nhưng có thỏa thuận là khi nào bà cần tiền thì ông L, bà D có trách nhiệm trả lại, đồng thời mỗi tháng ông L, bà D phải đóng tiền lãi suất như đã thỏa thuận với bà. Việc bà cho bà vợ chồng ông L – bà D vay mượn số tiền trên thông qua hình thức nhận bằng tiền mặt, bà D trực tiếp nhận tiền từ bà.

Sau đó, bà D có nói với bà cho bà D mượn 300.000.000 đồng để có vốn làm ăn và đáo hạn nợ ngân hàng. Khi đó, bà có đưa thêm ông L, bà D 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng tháng 09/2017 âm lịch, bà D hỏi bà vay tiếp 355.000.000 đồng, mục đích vay là để ông L, bà D có vốn xây dựng căn nhà và chi tiêu trong gia đình. Từ lúc vay đến nay, bà D1, ông L chưa trả vốn và tiền lãi cho bà.

Tổng cộng bà D, ông L nợ của bà số tiền 1.835.000.000đ (Một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng). Nay, bà yêu cầu ông L, bà D trả cho bà nợ gốc 1.835.000.000đ (Một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Sự việc bà D nợ tiền của bà có ông Võ Văn B – sinh năm 1968, là phó ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Bà yêu cầu Tòa án xác minh những người này.

Đồng bị đơn là bà Trần Thị D, ông Nguyễn Vũ L không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà D, ông L vắng mặt, không tham gia hoà giải.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ:

Kết quả xác minh tình trạng cư trú tại địa phương thể hiện bà D, ông L vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang, do bà D, ông L đi làm ăn, thường xuyên tới lui thăm nhà.

Tại biên bản xác minh ngày 02/3/2022, ông Trương Văn B1 trình bày: Ông công tác tại văn phòng ấp P, chức vụ Phó trưởng ấp P. Ông quen biết bà H là giáo viên giảng dạy tại Trường tiểu học A, huyện A, tỉnh An Giang. Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Vũ L là vợ chồng, cùng sinh sống tại khu dân cư ấp P, xã P. Năm 2018 (không nhớ ngày tháng), bà H có đến nhà ông L, bà D để đòi tiền. Ông có chứng kiến việc đòi tiền của bà H đối với bà D, số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông không nhớ rõ.

Ngoài lần chứng kiến tại nhà ông L, bà D thì bà H cũng nhiều lần đến nhà ông L, bà D để đòi tiền. Theo ông được biết, hiện nay ông L – bà D chưa trả tiền nợ cho bà H. Đồng thời, ông L – bà D cũng đã đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà.

Tại biên bản xác minh ngày 13/9/2022, bà Nguyễn Thị Đ trình bày: bà là dì ruột của bà H. Vào năm 2013, bà có cho bà H mượn số tiền 1.180.000.000 đồng để bà H cho bà D tại xã P mượn. Đến năm 2017, bà H tiếp tục mượn của bà thêm 300.000.000 đồng cho bà D mượn tiếp. Bà chỉ đưa tiền cho bà H, không đưa tiền cho bà D.

Tòa án đã ra Quyết định cung cấp chứng cứ số 187/QĐCC-TA ngày 14/4/2022 yêu cầu ông L, bà D cung cấp ý kiến để phán bác lại yêu cầu khởi kiện của bà H và có ý kiến phản bác lời trình bày của ông Mai Hồng P1 và ông Trương Văn B1 nhưng ông L, bà D không có ý kiến phản bác lại theo Quyết định cung cấp chứng cứ của Tòa án.

Ngày 22/02/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hùng Duy K có nộp UBS ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H và bà D. Tại biên bản mở USB ghi âm ngày 29/3/2023: Tại đoạn ghi âm thứ 1 (thoại 003, thời lượng 03 phút 08 giây được ghi âm tại nhà bà D ngày 11/6/2020) và đoạn ghi âm thứ 3 (thoại 004, thời lượng 02 phút 45 giây được ghi âm tại nhà bà D ngày 14/6/2020) thì có nhắc tới dì 5 là bà Nguyễn Thị Đ. Bà Đ (dì 5) cho bà H mượn tiền để bà H cho bà D vay để mua đất và sửa nhà; Ông P1 cho bà H mượn tiền nên Tòa án đưa bà Nguyễn Thị Đ và ông Mai Hồng P1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 12/4/2023, Tòa án ra thông báo số 625/TB-TA về việc đưa bà Nguyễn Thị Đ, ông Mai Hồng P1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/5/2023, ông Mai Hồng P1 trình bày: Ông là giáo viên giảng dạy tại Trường tiểu học A, bà Phan Thị Phương H là giáo viên và cũng là đồng nghiệp của ông, bà H là giáo viên giảng dạy tại Trường tiểu học A, huyện A, tỉnh An Giang. Vào năm 2018 (không nhớ rõ ngày tháng), bà H có mượn tiền của ông nhiều lần với tổng số tiền 355.000.000 đồng. Ông nghe bà H nói mượn tiền ông để cho bà D mượn tiền. Mục đích bà D mượn tiền của bà H để mua bán đất. Khi bà H đi đòi tiền bà D, ông có chứng kiến và bà D thừa nhận có nợ bà H số tiền 1.835.000.000

đồng, bà D hứa bán nhà và đất trả nợ cho bà D. Nay ông không có yêu cầu bà H trả.

Tòa án ra thông báo số 638/TB-TA ngày 24/5/2023 về việc thu thập tài liệu chứng cứ gồm biên bản mở USB ghi âm ngày 29/3/2023 và thông báo 639/TB-TA ngày 24/5/2023 về việc công khai kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bà D không có ý kiến phản hồi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 268/2023/DS-ST, ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã xử:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương H đối với ông Nguyễn Vũ L về việc bà H không yêu cầu ông L có trách nhiệm trả tiền cùng bà D.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương H đối với số tiền 300.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương H.

Buộc bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Phương H số tiền 1.535.000.000đ (Một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Hoàn lại 33.525.000đ (Ba mươi ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Phan Thị Phương H đóng theo biên lai thu số 0006655 ngày 07/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Bà Trần Thị Diễm C 58.050.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Vũ L không phải chịu án phí.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 19/6/2024, bà D kháng cáo trễ hạn được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chấp nhận kháng cáo quá hạn: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho nguyên đơn, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không thoả thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết đúng quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, các file ghi âm thể hiện trao đổi về nội dung nợ nhưng bên bị đơn không phản đối được xem như thừa nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà D trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét nội dung đơn theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn, bà Phan Thị Phương H không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Tòa án thu thập chứng cứ bằng hình thức đối chất giữa các đương sự; các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 277, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bà D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bà H, bà D quen biết nhau từ năm 2013, giữa bà H với bà D có giao dịch về tiền, mục đích vay để mua đất, làm nhà, dù không làm thành văn bản nhưng thể hiện bằng lời nói. Bà H vay tiền từ bà Nguyễn Thị Đ là di họ của bà H, sau khi lấy tiền thì bà H cho bà D vay lại; bà H cũng vay tiền của ông Mai Hồng P1 cũng đưa tiền cho bà D để lấy tiền lãi chênh lệch.

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ bên nguyên đơn cung cấp 11 file ghi âm, thời điểm ghi âm từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020, trong 11 file ghi âm, tại phiên đối chất và tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử mở từng file ghi âm để các đương sự nghe, dừng lại để hỏi từng nội dung và ý nghĩa của từng lời nói trong đoạn ghi âm giữa bà H, bà D. Bà D thừa nhận giọng nói trong file ghi âm là của mình, không bị cắt ghép và trao đổi liên tục, không yêu cầu giám định giọng nói nên Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn là cơ sở giải quyết vụ án.

[3.2] Các File ghi âm được nguyên đơn trích ra và ghi lại bằng chữ viết thể hiện nội dung trao đổi giữa bà H với bà D.

[3.3] Đối với khoản vay 1.180.000đ được thể hiện tại file ghi âm 003, thời lượng 03 phút 08 giây, bà H yêu cầu bà D tính và hứa trả nhưng bà D nói: “bà tính sao bà tính đi, ...nào có tiền tôi mới tính”. Về nội dung này, người đại diện

nguyên đơn cho rằng: do bà Đ tạo áp lực nên bà H yêu cầu bà D phải xác định khi nào trả tiền lãi và tiền gốc, để bà H có cơ sở hứa trả tiền cho bà Đ số tiền vay nợ 1.180.000.000đ, nhưng bà D nói “bả tính sao bả tính đi,...bà muốn làm gì thì làm, nào có tiền mới tính...”. Như vậy, có cơ sở xác định bà H có cho bà D quan hệ vay tiền với nhau, bà H xác định số tiền 1.180.000.000đ yêu cầu bà D hứa trả nhưng bà D không phản đối; về nội dung trao đổi này, bà D cho rằng: bà có nhờ bà H chơi số nên có nợ 20.000.000đ nhưng trong đoạn ghi âm bà D không đề cập gì đến số tiền 20.000.000đ và chơi số nên không có cơ sở nào chấp nhận lời biện minh của bà D về nợ 20.000.000đ. Về số tiền 1.180.000.000đ được bà H đề cập và yêu cầu bà D hứa trả, bà D nói vay được đi rồi mới tính nên đại diện Viện kiểm sát xác định có căn cứ bà D vay khoản nợ này, bị đơn không phản đối về số tiền do bên nguyên đơn yêu cầu trả coi như bị đơn thừa nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ này của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3.4] Về khoản vay 355.000.000đ, file ghi âm 03 tại 1 phút 26 giây: bà H yêu cầu bà D trả 355.000.000đ do nợ ông P1, bà D nói: “ ông tính như vậy chắc có lẽ đúng rồi, giờ lo tiền trả”,....được coi như lời thừa nhận nợ. Như vậy, bà D có nợ bà H cả 02 khoản tiền: 1.180.000.000đ và 355.000.000đ. Tại các ghi âm khác, như file ghi âm số 13: bà D nói: “Tôi mà biết thiếu nợ vậy, tôi cũng không dính lu bu đâu bà H ơi”. Bà H nói: “Sao mày nói không biết thiếu nợ, mày hỏi tiền đó, tiền nó đi về đâu, không đóng một đồng xu cát bạc tiền lời hết, tao vay Ngân hàng tao trả không, tao vay tao trả không...” cũng thoại 13 tại 7phút 35 giây, bà D nói “...tôi lo tiền trả đủ cho ông Ú tách bằng khoán cho tôi..” dù các nội dung trên không đề cập trực tiếp đến các khoản nợ trên nhưng diễn biến có sự việc vay tiền, bà H vay tiền Ngân hàng để trả nợ thay, bà H cho rằng bà D có dùng tiền mua đất để chứng minh bà D sử dụng đúng mục đích là có cơ sở. Lẽ ra, khi bà H đề cập các khoản nợ, nếu không nợ thì bà D phải dứt khoát khẳng định bà không nợ bất cứ khoản tiền nào; hoặc tại phiên tòa, bà D cho rằng chỉ nợ 20.000.000đ tiền mua số, tiền lãi của 20.000.000đ là 50.000.000đ, tổng 70.000.000đ nhưng trong tất cả các file ghi âm, không có nội dung nào bà D đề cập đến số tiền nợ này, nên những lời thừa nhận nợ 70.000.000đ này của chị D không có cơ sở để xem xét, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn nhắc, xem xét toàn bộ các file ghi âm trao đổi giữa bà H với bà D, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Bà Đ, ông P1 không yêu cầu độc lập trong vụ án này nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp thì giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Diễm

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 268/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tuyên xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương H đối với ông Nguyễn Vũ L về việc bà H không yêu cầu ông L có trách nhiệm trả tiền cùng bà D.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương H đối với số tiền 300.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương H.

Buộc bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Phương H số tiền 1.535.000.000đ (Một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Hoàn lại 33.525.000đ (Ba mươi ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Phan Thị Phương H đóng theo biên lai thu số 0006655 ngày 07/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Bà Trần Thị Diễm P2 chịu 58.050.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Vũ L không phải chịu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012690 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- TAND huyện An Phú;
- THA huyện An Phú;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM THÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo

